TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ GIÁO** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2023/HNGĐ - ST
Ngày 30-3-2023
V/v ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ GIÁO, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Văn Trung;

Ông Bùi Văn Quang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Phúc Vĩnh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 273/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Phan Thùy T, sinh năm 1996; địa chỉ: Xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình; có đơn xin vắng mặt.

- *Bị đơn*: Ông Bùi Văn T1, sinh năm 1986; địa chỉ: Ấp 5, xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương; có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn bà Phan Thùy T trình bày yêu cầu khởi kiện như sau:

Về hôn nhân: Bà và ông Bùi Văn T1 chung sống có đăng ký kết hôn vào ngày 30/9/2014 tại Uỷ ban nhân dân xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương. Việc sống chung và đăng ký kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc. Thời gian đầu chung sống thì hạnh phúc nhưng sau đó thì không hạnh phúc nữa mà thường hay xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm nên thường xuyên cãi vả. Nay, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời

sống chung không T1hể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên bà xin ly hôn với ông Bùi Văn T1.

Về con chung: Bà và ông Bùi Văn T1 có 02 người con tên Bùi Yến N, sinh ngày 21/11/2013 và Bùi Hoàng A, sinh ngày 24/3/2015. Khi ly hôn bà T tùy theo nguyện vọng của các con. Nếu các con sống với bà thì bà không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại bản tự khai bị đơn ông Bùi Văn T1 trình bày*: Về hôn nhân: Ông T1 và bà T chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn vào ngày 30/9/2014 tại UBND xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương. Việc sống chung và đăng ký kết hôn là hoàn toàn tự nguyện không ai ép buộc. Thời gian đầu chung sống thì hạnh phúc nhưng sau đó thì không hạnh phúc nữa mà thường hay xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm nên thường xuyên cãi vả. Hiện tại T cảm vợ chồng đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay, bà T xin ly hôn thì ông T1 đồng ý. Về con chung: Quá trình chung sống ông T1 và bà T có 02 người con tên Bùi Yến N, sinh ngày 21/11/2013 và Bùi Hoàng A, sinh ngày 24/3/2015. Khi ly hôn ông T1 yêu cầu được nuôi các con, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án là đúng quy định của pháp luật. HĐXX thực hiện khai mạc phiên toà, phần thủ tục, phần tranh tụng đều đảm bảo đúng pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Bà Phan Thùy T và ông Bùi Văn T1 chung sống, có đăng ký kết hôn ngày 30/9/2014 tại Uỷ ban nhân dân xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương. Bà T và ông T1 đủ điều kiện kết hôn theo Điều 8 và có đăng ký kết hôn theo Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình nên đây là hôn nhân hợp pháp. Theo nguyên đơn cho rằng, quá trình chung sống vợ chồng bà đã xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên nguyên đơn tự nguyện xin ly hôn với bị đơn. Bị đơn cũng đồng ý ly hôn với nguyên đơn. Xét thấy việc ly hôn là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về con chung: Quá trình chung sống ông T1 và bà T có 02 người con tên Bùi Yến N, sinh ngày 21/11/2013 và Bùi Hoàng A, sinh ngày 24/3/2015. Khi ly hôn ông T1 yêu cầu được nuôi các con, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Các cháu Bùi Hoàng A, Bùi Yến N cũng có nguyện vọng được sống cùng với ông T1 nên đề nghị HĐXX giao các con chung Bùi Hoàng A, Bùi Yến N cho ông T1 nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của ông T1 không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Phan Thùy T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Bùi Văn T1, bị đơn ông T1 hiện cư trú tại ấp 5, xã An Thái, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương nên đây là vụ án ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn bà Phan Thùy T, bị đơn ông Bùi Văn T1 có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào các Điều 227, 228 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về hôn nhân: Bà Phan Thùy T và ông Bùi Văn T1 chung sống, có đăng ký kết hôn ngày 30/9/2014 tại Uỷ ban nhân dân xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương. Bà T và ông T1 đủ điều kiện kết hôn theo Điều 8 và có đăng ký kết hôn theo Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình nên đây là hôn nhân hợp pháp. Theo nguyên đơn cho rằng, quá trình chung sống vợ chồng bà đã xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên nguyên đơn tự nguyện xin ly hôn với bị đơn. Bị đơn cũng đồng ý ly hôn với nguyên đơn. Lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn cũng phù hợp với nội dung xác minh của Tòa án tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương. Nên HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống ông T1 và bà T có 02 người con tên Bùi Yến N, sinh ngày 21/11/2013 và Bùi Hoàng A, sinh ngày 24/3/2015. Khi ly hôn ông T1 yêu cầu được nuôi các con, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con. Các cháu Bùi Hoàng Anh, Bùi Yến N cũng có nguyện vọng được sống cùng với ông T1 nên HĐXX quyết định giao các con chung Bùi Hoàng A, Bùi Yến N cho ông T1 nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của ông T1 không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[5] Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 238, 264, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 51, 53, 56, 58 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thùy T đối với bị đơn ông Bùi Văn T1 về việc "Ly hôn".

2. Về hôn nhân: Bà Phan Thùy T được ly hôn với ông Bùi Văn T1.

3. Về con chung: Giao con chung Bùi Yến N, sinh ngày 21/11/2013 và Bùi Hoàng A, sinh ngày 24/3/2015 cho ông Bùi Văn T1 nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của ông T1 không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Người không Trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì quyền lợi hợp pháp, chính đáng của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi đương sự có đơn yêu cầu phù hợp quy định của pháp luật.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra xem xét.

5. Về án phí: Bà Phan Thùy T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008509 ngày 17/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Giáo.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Phú Giáo;
- Chi cục THADS huyện Phú Giáo;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Mạnh